

Số: 68/2020/QĐST-HNGĐ

Thủ Dầu Một, ngày 27 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban TH1 vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 55/2020/TLST-VDS ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Đỗ Đức H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Tạm trú: Số X đường Lê Hồng Phong, tổ 9, Khu phố 8, phường P, thành phố Tt, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Tạm trú: Số X đường Lê Hồng Phong, tổ 9, Khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị H1 là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 13/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Hoằng N, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo giấy đăng ký kết hôn số 22, quyển số 01/2013. Quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị H1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị H1 thỏa thuận bà H1 là người nuôi 02 con chung tên Đỗ Thị Yên N, sinh ngày 18/10/2013 và Đỗ Đức B, sinh ngày 23/8/2015 và ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại Trung tâm Hoà giải-Đối thoại Tòa án nhân dân thành phố T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị H1.

- Về con chung: Bà Lê Thị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Đỗ Thị Yên N, sinh ngày 18/10/2013 và Đỗ Đức B, sinh ngày 23/8/2015.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đỗ Đức H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Đỗ Thị Yên N, sinh ngày 18/10/2013 và Đỗ Đức B, sinh ngày 23/8/2015 mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 27/02/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Ông Đỗ Đức H có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom con chung tên Đỗ Thị Yên N, Đỗ Đức B mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị H1 mỗi người nộp 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0041474 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;
- Người yêu cầu;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hồng Phương